

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, KHÓA HỌC 2020 - 2021,
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
ĐỦ ĐIỀU KIỆN VIẾT BÀI THU HOẠCH KẾT THÚC PHẦN HỌC**

**Bài thu hoạch phần IV: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam
về các lĩnh vực của đời sống xã hội**

Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
1	Huỳnh Thị Lữ Ái	11/02/1981	8	<i>Ái</i>	1	7,5	Đáng, hai năm
2	Lê Thị Vân Anh	30/5/1983	7	<i>Anh</i>	2	8,0	Tám
3	Nguyễn Minh Anh	10/5/1981	6	<i>Anh</i>	3	7,5	Đáng, 1 năm
4	Y Sól Arul	25/5/1979	7	<i>Y Sól</i>	4	7,5	Đáng, 1 năm
5	Y Kiong Ayun	28/4/1985	7	<i>Y Kiong</i>	5	8,0	Tám
6	Trần Đình Bắc	29/9/1969	5	<i>Bắc</i>	6	7,5	Đáng, hai năm
7	Hà Thị Hồng Bén	07/5/1985	9	<i>Bén</i>	7	8,0	Tám
8	Đoàn Huy Cường	19/3/1972	7	<i>Cường</i>	8	8,0	Tám
9	Nguyễn Xuân Điền	07/01/1977	7	<i>Điền</i>	9	7,5	Đáng, 1 năm
10	Đặng Thị Ngọc Diệp	09/8/1982	06	<i>Diệp</i>	10	7,5	Đáng, 1 năm
11	Biện Thị Lan Dung	14/4/1983	07	<i>Lan Dung</i>	11	8,0	Tám
12	Hà Quốc Dũng	10/8/1978	07	<i>Dũng</i>	12	8,0	Tám
13	Đặng Văn Dũng	13/12/1979	6	<i>Dũng</i>	13	7,5	Đáng, 1 năm
14	Nguyễn Thị Thùy Dương	04/11/1983	6	<i>Dương</i>	14	7,5	Đáng, 1 năm
15	Y Yuer Êban	25/01/1985	7	<i>Y Yuer</i>	15	8,0	Tám



2021

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
16	Trần Thị Hồng	Hà	27/6/1976	7	<i>Tr</i>	16	HS	Đầy, năm
17	Trương Duy	Hải	23/4/1978	8	<i>Thư</i>	17	HS	Đầy, năm
18	Lý Thị	Hoa	15/10/1985	7	<i>Hoa</i>	18	HS	Đầy, hai năm
19	Trương Duy	Hội	10/10/1982	07	<i>Hoa</i>	19	HS	Đầy, năm
20	Nguyễn Thị	Hồng	24/01/1973	7	<i>Tru</i>	20	HS	Đầy
21	Phan Viết	Hùng	17/02/1990	7	<i>Phu</i>	21	HS	Đầy
22	Nguyễn Thị Thu	Hương	02/4/1982	7	<i>Thy</i>	22	HS	Đầy, hai năm
23	Trần Thị Thanh	Huyền	16/5/1978	7	<i>Tr</i>	23	HS	Đầy, hai năm
24	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	02/11/1980	7	<i>Thư</i>	24	HS	Đầy, năm
25	Nguyễn Võ Anh	Khoa	14/8/1985	7	<i>V</i>	25	HS	Đầy, năm
26	Nguyễn Đình	Khởi	10/9/1985	7	<i>Khởi</i>	26	HS	Đầy, hai năm
27	Nguyễn Thị	Lan	02/02/1981	7	<i>Tru</i>	27	HS	Đầy
28	Nhat	Lisa	28/3/1968	7	<i>Nhat</i>	28	HS	Đầy, năm
29	Trần Thị	Loan	27/8/1987	7	<i>Loan</i>	29	HS	Đầy, năm
30	Ngô Thị Kim	Loan	29/01/1983	7	<i>Loan</i>	30	HS	Đầy, năm
31	Lương Đức	Lợi	24/6/1979	7	<i>L</i>	40	HS	Đầy, năm
32	Đỗ Ngọc	Lợi	01/3/1976	7	<i>Đ</i>	31	HS	Đầy, hai năm
33	Nguyễn Đức	Mẫn	15/11/1981	6	<i>Mẫn</i>	32	HS	Đầy, năm
34	Lê Đức	Minh	20/9/1974		<i>L</i>	79	80	Tam
35	Đỗ Quang	Minh	08/11/1980	8	<i>Quang</i>	33	HS	Đầy, năm

— om

Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
36	Ngô Huỳnh Đan My	27/9/1989	7	My	34	75	Đẩy, năm
37	Cù Thị Thúy Nga	24/7/1987	8	Như	35	725	Đẩy, hai năm
38	Ngô Văn Nghi	12/12/1980	7	Nghi	36	725	Đẩy, hai năm
39	Mai Viết Nghi	13/4/1983	7	Nghi	37	725	Đẩy, hai năm
40	Tạ Thị Minh Nhã	10/01/1980	06	Như	38	775	Đẩy, bảy năm
41	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	07/6/1988	07	Nhàn	39	70	Đẩy
42	Nguyễn Thị Như	01/4/1988	10	Như	41	75	Đẩy, năm
43	Hà Thị Huyền Nhung	09/7/1981	7	Nhung	42	775	Đẩy, bảy năm
44	Hoàng Thị Oanh	11/03/1980	08	Oanh	43	75	Đẩy, năm
45	Ngô Cao Tổ Phiên	23/9/1977	08	Phiên	44	775	Đẩy, bảy năm
46	Vũ Thị Minh Phương	09/01/1981	7	Phương	45	70	Đẩy
47	Phan Thị Phương	01/3/1986	7	Phương	46	75	Đẩy, năm
48	Nguyễn Thị Phương	21/5/1984	7	Phương	47	75	Đẩy, năm
49	Trần Minh Phương	22/6/1984		Phương	48	70	Đẩy
50	Huỳnh Thị Thu Phương	09/10/1982	6	Thu Phương	49	725	Đẩy, hai năm
51	Đoàn Văn Quân	29/8/1981	7	Quân	50	725	Đẩy, hai năm
52	Trần Vũ Quang	17/02/1981	7	Quang	51	775	Đẩy, bảy năm
53	Nguyễn Thanh Sang	24/02/1979	7	Sang	52	725	Đẩy, hai năm
54	Đặng Văn Sơn	02/02/1970	7	Sơn	53	725	Đẩy, hai năm
55	Hoàng Thị Thanh Tâm	04/6/1982	6	Tâm	54	80	Tám

—om

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
56	Trần Thị	Thắm	17/11/1981	7	<u>Thắm</u>	55	80	Tam
57	Bùi Quốc	Thắng	02/8/1981	8	<u>Thắng</u>	56	85	Bảy, hai năm
58	Tô Thị	Thanh	06/10/1981	7	<u>Th</u>	57	85	Bảy, năm
59	Mai Thị	Thanh	18/02/1987	7	Thanh	58	85	Bảy, bảy năm
60	Nguyễn Văn	Thành	05/10/1977	7	Thành	59	85	Bảy, năm
61	Võ Anh	Thơ	11/01/1984	5	<u>Thơ</u>	60	80	Bảy
62	Trần Xuân	Thọ	11/10/1983	08	<u>Th</u>	61	85	Bảy, năm
63	Trần Thị Ngọc	Thủy	28/7/1981	7	<u>Thủy</u>	62	85	Bảy, năm
64	Mai Thị	Thủy	26/10/1985	7	Thủy	63	85	Bảy, hai năm
65	Nguyễn Văn	Tiến	20/10/1987	8	<u>Th</u>	65	80	Bảy
66	Hoàng Văn	Toàn	06/10/1978	7	Toàn	64	85	Bảy, năm
67	Vũ Thị Quỳnh	Trâm	03/12/1980	7	Trâm	66	85	Bảy, năm
68	Ôn Thị Mỹ	Trang	28/7/1985	6	Trang	67	80	Bảy
69	Bùi Hữu	Trọng	05/10/1979	7	Trọng	68	85	Bảy, năm
70	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	06/10/1981	08	<u>Th</u>	69	85	Bảy, bảy năm
71	Nguyễn Thị	Tú	27/02/1987	6	Tú	70	85	Bảy, năm
72	Vũ Hoàng	Tùng	03/9/1983	5	Tùng	71	80	Bảy
73	Bùi Quang	Tuyên	28/4/1983	6	Tuyên	72	85	Bảy, hai năm
74	Lê Thị Ánh	Tuyết	10/05/1986	7	<u>Th</u>	73	80	Tam
75	Phan Thị Thanh	Vân	11/01/1983	7	<u>Th</u>	74	85	Bảy, hai năm

om

Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
76	Nguyễn Thị Thiên Việt	06/03/1986	7	<i>Thiên</i>	75	75	Đạt, hai năm
77	Lê Quốc Việt	03/11/1981	7	<i>Việt</i>	76	75	Đạt, năm
78	Nguyễn Xuân Vĩnh	20/07/1976	06	<i>Vĩnh</i>	77	75	Đạt, năm
79	Phạm Văn Vũ	08/9/1978	06	<i>Vũ</i>	78	75	Đạt, năm

Tổng số học viên theo danh sách:.....*79*.....học viên;
Số học viên không đủ điều kiện viết bài thu hoạch:.....*0*.....học viên;
Số học viên đủ điều kiện viết bài thu hoạch:.....*79*.....học viên;
Số bài thu hoạch hiện có.....*79*.....bài.

Ngày...*18*...tháng...*11*...năm 2021
NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Kiem
Nguyễn Văn Cường

TRƯỞNG KHOA

Phạm Văn Cường

Ngày...*16*...tháng...*11*...năm 2021
NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH

omhl

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
BAN GIÁM HIỆU



ThS. Ngô Páu